

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT GIỮA THƯƠNG LÁI VÀ NÔNG HỘ SẢN XUẤT RAU TẠI HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Hoài Nam¹, Lê Vũ¹, Đỗ Minh Hoàng¹

¹Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Trong một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ lẻ, manh mún để nông sản đến được thị trường thì đội ngũ thương lái là chiếc cầu nối không thể thiếu. Khi tham gia liên kết với thương lái trong sản xuất rau, nông hộ sẽ dễ tiếp cận với thị trường, với tiến bộ kỹ thuật qua việc thông tin từ thương lái. Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính bình phương bé nhất từng phần (PLS-SEM) với phần mềm SmartPLS trên bộ dữ liệu 222 nông hộ nhằm đánh giá chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ sản xuất rau tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng hoạt động liên kết 50,2%; và chất lượng hoạt động liên kết phụ thuộc vào các nhân tố như sự cam kết (0,328***), sự hợp tác phối hợp (0,238**), sự tin tưởng (0,343***), sự chia sẻ thông tin (0,323***) và sự hài lòng (0,257***). Mặt khác, sự biến thiên của sự hài lòng được giải thích bởi các nhân tố như sự chia sẻ thông tin, sự cam kết, sự hợp tác phối hợp và sự tin tưởng là 46,2%.

Từ khóa: Liên kết, mô hình cấu trúc tuyến tính, nông hộ trồng rau, thương lái.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Lâm Đồng được xem là một trong những vùng canh tác rau trọng điểm của cả nước, theo Sở NN&PTNT Lâm Đồng (2019) thì diện tích trồng rau hàng năm của tỉnh khoảng 68.080 ha, sản lượng 2,185 triệu tấn/năm tập trung tại các địa bàn như Đà Lạt, Đức Trọng, Lạc Dương, Đơn Dương và Lâm Hà. Điều kiện tự nhiên của Lâm Đồng rất thuận lợi cho phát triển quanh năm các loại rau, tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay trong tiêu thụ nông sản là nông hộ sản xuất ra sản phẩm nhưng không quyết định giá bán sản phẩm của mình, thay vào đó thương lái sẽ là người quyết định giá bán sản phẩm, chính vì vậy thương lái đang đóng vai trò là chiếc cầu nối không thể thiếu trong việc tiêu thụ nông sản. Thương lái sẽ thu gom nông sản của những người nông hộ sản xuất nhỏ lẻ để phân phối lại cho các chợ đầu mối hoặc cung cấp cho các công ty xuất khẩu (Samli, 2007). Tuy nhiên, sự kết nối giữa nông hộ với thương lái đang mang tính tự phát mà không có bất cứ văn bản hay ràng buộc pháp lý nào (Trần Quang Trung & cộng sự, 2016). Trong bối cảnh đó, việc xây dựng mối liên kết giữa thương lái và nông hộ có vai trò ngày càng quan trọng. Đối với thương lái, mối quan hệ này đảm bảo rằng sản phẩm sẽ được giao đúng hạn, đúng số lượng và chất lượng, đồng thời giảm chi phí giao dịch, lãng phí. Đối với nông dân sản xuất nhỏ, liên kết với các thị trường như thế giúp họ được bảo hiểm đầu ra dù không phải lúc nào họ cũng nhận được giá cao hơn (Lê Như Bích, 2015). Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành với mục tiêu là

đánh giá chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ sản xuất rau tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, từ đó gợi ý một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả duy trì liên kết trong sản xuất rau.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm về thương lái và chất lượng liên kết

Thương lái là một thuật ngữ xuất phát từ từ "lái". "Lái" có nghĩa là người buôn bán một hàng hóa nhất định. Thương lái là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong những năm gần đây, thương lái thường được hiểu là người thu gom nông sản, hàng hóa từ nông dân. Quy mô hoạt động từ nhỏ đến lớn, chủ yếu là mô hình kinh tế hộ gia đình (Nguyễn Văn Nền, 2015; Võ Văn Thanh & cộng sự, 2015).

Chất lượng liên kết hiện vẫn chưa có một định nghĩa chính xác, nhưng từ các định nghĩa về liên kết của các nghiên cứu cho thấy liên kết thực chất là một quan hệ kinh tế (Hồ Thanh Thủy, 2017). Vì vậy, chất lượng liên kết kinh tế được xem như là chất lượng mối quan hệ ở góc độ kinh tế có trao đổi mua bán hàng hóa, dịch vụ. Trong nông nghiệp, liên kết giữa nông hộ với thương lái là một liên kết đơn giản nhưng lại phức tạp hơn là liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp (Eaton & Shepherd, 2001).

Chất lượng mối quan hệ có vai trò then chốt trong việc duy trì liên kết (Trần Thị Lam Phương, 2015). Sự thành công của liên kết giữa nông dân với thị trường chịu ảnh hưởng lớn bởi đặc điểm riêng, nhu cầu và lợi ích của các bên tham gia cũng như các tác động bên ngoài khác

(Vorley & cộng sự, 2008; Bratap, 2007). Các nghiên cứu đã chỉ ra chất lượng mối liên kết chỉ thành công khi đạt được sự hài lòng, sự tin cậy, sự cam kết (Lê Như Bích, 2015; Holmlund, 2008; Large & cộng sự, 2005; Dwyer & cộng sự, 1987). Ngoài ra, còn phải công bằng về giá trị trong việc trao đổi (Nguyễn Anh Tuấn, 2016; Lê Như Bích, 2015), mức độ tích cực của chia sẻ thông tin (Large & cộng sự, 2005), Sự hợp tác - phối hợp (Nguyễn Anh Tuấn, 2016).

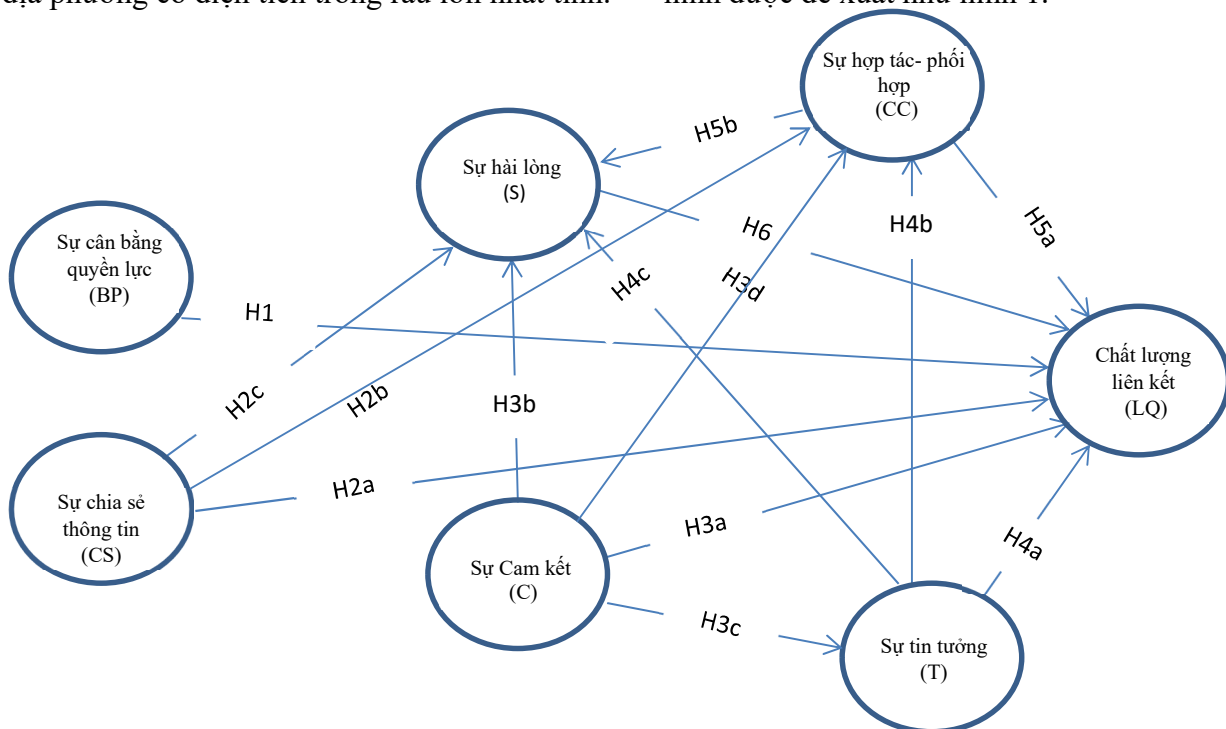
2.2. Nguồn số liệu

Để đánh giá chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ sản xuất rau tại huyện Đơn Dương, phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) được ứng dụng. Phương pháp này đòi hỏi cỡ mẫu lớn vì nó dựa vào lý thuyết phân phối mẫu (Raykov & Widaman, 1995). Tuy nhiên, nếu phương pháp ước lượng Maximum Likelihood thì kích thước mẫu tối thiểu từ 100 – 150 (Hair & cộng sự, 2014). Cỡ mẫu của nghiên cứu này là 222, như vậy cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của phương pháp phân tích. Số liệu được thu thập tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, đây là một trong bốn địa phương có diện tích trồng rau lớn nhất tỉnh.

Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi. Ngoài ra, còn thu thập các thông tin thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm các tài liệu, các báo cáo, các nghiên cứu trong và ngoài nước được thu thập qua các nguồn khác nhau để phục vụ cho nghiên cứu. Các thông tin đã thu thập được tổng hợp, tính toán và phân tích bằng phần mềm Excel và SmartPLS 3.0.

2.3. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được sử dụng nhằm ước lượng mối quan hệ giữa các nhân tố trong mô hình lý thuyết (Dang & cộng sự, 2012). Trong mô hình SEM có hai kỹ thuật phân tích được áp dụng đó là CB-SEM (Covariance-based SEM) và PLS-SEM (Partial Least Squares SEM). Nghiên cứu này áp dụng mô hình cấu trúc tuyến tính bình phương bé nhất riêng phần (PLS-SEM) vì phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu hiện nay cũng như thể hiện một số ưu điểm so với CB-SEM (Hair & cộng sự, 2016). Mục tiêu của ước lượng là đo lường chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ sản xuất rau và mô hình được đề xuất như hình 1.



Hình 1. Mô hình đo lường chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ

Nhân tố sự cân bằng quyền lực (BP) được đo lường bằng 4 biến: Thương lượng giá cả với đối tác (BP1); Thảo luận đưa ra tiêu chuẩn sản phẩm (BP2); Không yếu thế khi hợp tác (BP3).

Nhân tố sự chia sẻ thông tin (CS) được đo lường bằng 3 biến: Tăng hiệu quả sản xuất (CS1); Tăng thông tin mang tính hữu ích (CS2); Tăng sự phối hợp trong lập kế hoạch chung (CS3).

Nhân tố sự hài lòng (S) được đo lường bằng 4 biến: Thực hiện đúng cam kết (S1); Kết quả và hiệu quả đạt được (S2); Tinh thần trách nhiệm (S3); Hỗ trợ cung cấp nhiều thông tin hữu ích (S4).

Nhân tố sự cam kết (C) được đo lường bằng 4 biến: Tuân thủ cam kết (C1); Tin tưởng các cam kết (C2); Chia sẻ lợi ích đạt được theo cam kết (C3); Tiếp tục muốn duy trì cam kết (C4).

Nhân tố sự hợp tác – phối hợp (CC) được đo lường bằng 4 biến: Tăng lợi ích trong sản xuất (CC1); Giảm rủi ro trong tiêu thụ (CC2); Thay đổi tư duy sản xuất (CC3); Học hỏi kiến thức mới (CC4).

Nhân tố sự tin tưởng (T) được đo lường bằng 4 biến: Công bằng trong giao dịch (T1); Thông tin sản phẩm (T2); Thái độ trong giao dịch (T3); Bảo vệ lợi ích của nông hộ (T4).

Thang đo Likert 5 mức độ: được sử dụng để đánh giá sự chất lượng liên kết: 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý.

Mô hình nghiên cứu được đánh giá qua hai

bước là đánh giá mô hình đo lường và mô hình cấu trúc. Mô hình đo lường được đánh giá thông qua độ giá trị hội tụ, kiểm định độ nhất quán nội tại và độ giá trị phân biệt (Hair & cộng sự, 2016). Trong đó, độ giá trị hội tụ thì hệ số AVE (Trung bình phương sai trích-Average variance extracted) phải lớn hơn hoặc bằng 0,5; độ giá trị phân biệt thì căn bậc hai AVE của mỗi nhân tố đo lường đều lớn hơn hệ số liên hệ giữa nhân tố đó với các nhân tố khác; độ nhất quán nội tại thì chỉ số SRMR (Standardized root mean square residual) phải đạt giá trị nhỏ hơn 0,08 hoặc 0,1. Khi mô hình đo lường đã được kiểm định tính hiệu lực, ước lượng mô hình cấu trúc tuyến tính được thực hiện. Trong mô hình cấu trúc để kiểm tra mối quan hệ giữa các khái niệm thì giá trị t-value > 1,96 ở mức ý nghĩa thống kê 5%; trọng số outer weights thường thấp hơn hệ số tải nhân tố. Để kiểm tra xem các chỉ báo cấu thành có thực sự góp phần vào việc hình thành biến tiềm ẩn thì quy trình bootstrapping (kiểm định độ tin cậy mô hình SEM) cần được thực hiện.

Bảng 1. Kiểm định về các giả thiết

Giả thiết	Diễn giải	Dấu kỳ vọng
H_1 (BP →LQ)	Sự cân bằng quyền lực ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng liên kết	(-)
H_{2a} (CS →LQ)	Sự chia sẻ thông tin ảnh hưởng tích cực đến chất lượng liên kết	(+)
H_{2c} (CS →S)	Sự chia sẻ thông tin sẽ có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng.	(+)
H_{3a} (C →LQ)	Sự cam kết có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng liên kết	(+)
H_{3b} (C →S)	Sự cam kết có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng	(+)
H_{3c} (C →T)	Sự cam kết có ảnh hưởng tích cực đến sự tin tưởng	(+)
H_{3d} (C →CC)	Sự cam kết có ảnh hưởng tích cực đến sự hợp tác phối hợp	(+)
H_{4a} (T →LQ)	Sự tin tưởng có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng liên kết	(+)
H_{4b} (T →S)	Sự tin tưởng có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng	(+)
H_{4c} (T →CC)	Sự tin tưởng có ảnh hưởng tích cực đến sự hợp tác phối hợp	(+)
H_{5a} (CC →LQ)	Sự hợp tác phối hợp ảnh hưởng tích cực đến chất lượng liên kết	(+)
H_{5b} (CC →S)	Sự hợp tác phối hợp ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng	(+)
H_6 (S →LQ)	Sự hài lòng ảnh hưởng tích cực đến chất lượng liên kết	(+)

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số đặc điểm về nhân khẩu học và xã hội học của hộ điều tra

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 222 hộ sản xuất rau tại huyện Đơn Dương. Kết quả thống kê từ bảng 2 cho thấy đối tượng khảo sát khá đa

dạng và phong phú về tuổi tác cũng như trình độ học vấn. Độ tuổi trung bình của chủ hộ vào khoảng 47 tuổi (trong đó mức tuổi từ 40 đến 50 tuổi chiếm tỷ trọng cao nhất 36,94%) ở độ tuổi này nông hộ vẫn còn đủ sức khoẻ để trực tiếp tham gia quá trình sản xuất rau.

Bảng 2. Thông tin chung về đối tượng phỏng vấn

Diễn giải	Số hộ (Hộ)	Tỷ lệ (%)
Giới tính chủ hộ		
Nam	128	57,65
Nữ	94	42,35
Tuổi chủ hộ		
<= 30 tuổi	23	10,36
30 tuổi – 40 tuổi	50	22,52
40 tuổi – 50 tuổi	82	36,94
50 tuổi – 60 tuổi	45	20,27
> 60 tuổi	22	9,91
Trình độ học vấn		
Mù chữ	11	4,95
Tiểu học	38	17,12
Trung học cơ sở	86	38,74
Trung học phổ thông	85	38,29
Cao đẳng – Đại học	2	0,90
4. Kinh nghiệm		
<= 10 năm	76	34,23
10 năm – 15 năm	30	13,51
15 năm – 20 năm	59	26,58
> 20 năm	57	25,68
5. Qui mô sản xuất		
<= 5.000 m ²	103	46,39
5.000 m ² – 10.000 m ²	73	32,88
10.000 m ² – 15.000 m ²	20	9,26
> 15.000 m ²	26	11,47

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Đồng thời, trình độ học vấn của nông hộ chủ yếu là trung học cơ sở và trung học phổ thông, điều này tạo nhiều thuận lợi cho việc nắm bắt thông tin thị trường cũng như tiếp cận khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó, kinh nghiệm là một trong những yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến quyết định sản xuất và khả năng tiếp cận thị trường, dựa vào kết quả thống kê cho thấy, kinh nghiệm trong sản xuất rau của nông hộ trên 15 năm chiếm 52,26% với quy mô sản xuất chủ yếu là

nhỏ lẻ (quy mô sản xuất nhỏ hơn 5.000 m² chiếm 46,39%) .

Bên cạnh đó, nông hộ thường không muốn bị ràng buộc khi sản xuất, thích tự do thỏa thuận với các thủ tục đơn giản khi mua bán, nên thương lái vẫn thích giao dịch với họ bằng hợp đồng miệng (83,33%). Hình thức giao dịch này chỉ phát huy hiệu quả cao nhất khi giá cả trên thị trường ổn định và không có sự dao động lớn.

Bảng 3. Hình thức giao dịch

Diễn giải	Số hộ (Hộ)	Tỷ lệ (%)
Ký hợp đồng	37	16,67
Hợp đồng miệng	185	83,33

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

3.2. Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

3.2.1. Kiểm định mô hình đo lường

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo, nghiên cứu sử dụng hệ số tin cậy tổng hợp (CR), trung bình phương sai trích (AVE) và hệ số tải nhân tố đơn lẻ (outer loading). Trong đó, hệ số tin cậy tổng hợp phải lớn hơn 0,7 và hệ số tải nhân tố đơn lẻ (outer loading) phải lớn hơn 0,4 (Hair & cộng sự, 2016) thì có ý nghĩa về giá trị tin cậy. Ngoài ra, trung bình phương sai trích lớn hơn

mức 0,5 sẽ khẳng định được độ tin cậy và độ giá trị hội tụ của thang đo.

Kết quả kiểm định thang đo cho thấy các thang đo đều đạt độ nhất quán nội tại với hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6 và độ tin cậy tổng hợp của các thang đo đều lớn hơn 0,7. Đồng thời, trung bình phương sai trích (AVE) đều lớn hơn 0,5 và hệ số tải nhân tố đơn lẻ đều lớn hơn 0,6. Do đó, các thang đo đề xuất đạt được độ giá trị hội tụ.

Bảng 4. Cronbach's Alpha các nhân tố thang đo sự tuân thủ

Thang đo thành phần	Biến đặc trưng	Cronbach's Alpha	CR	AVE
Sự cân bằng quyền lực	BP1, BP2, BP3	0,705	0,835	0,629
Sự chia sẻ thông tin	CS1, CS2, CS3	0,614	0,793	0,562
Sự hài lòng	S1, S2, S3, S4	0,778	0,857	0,600
Sự cam kết	C1, C2, C3, C4	0,601	0,761	0,501
Sự hợp tác – phối hợp	CC1, CC2, CC3, CC4	0,604	0,772	0,501
Sự tin tưởng	T1, T2, T3, T4	0,725	0,825	0,544
Chất lượng liên kết	LQ1	1,000	1,000	1,000

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Để biết được độ giá trị phân biệt của các nhân tố, nghiên cứu dựa vào giá trị căn bậc hai nhỏ nhất của AVE. Bảng 5 cho thấy giá trị căn bậc hai nhỏ nhất của AVE là 0,669 lớn hơn giá trị

lớn nhất của tương quan giữa các cặp nhân tố (0,598). Do đó, các nhân tố đạt được độ giá trị phân biệt.

Bảng 5. Tương quan giữa các nhân tố nghiên cứu

	BP	C	CC	CS	LQ	S	T
BP	0,793						
C	0,430	0,669					
CC	0,509	0,390	0,679				
CS	0,578	0,389	0,460	0,751			
LQ	0,415	0,452	0,555	0,510	1,000		
S	0,346	0,491	0,573	0,453	0,598	0,774	
T	0,397	0,404	0,546	0,345	0,530	0,519	0,737

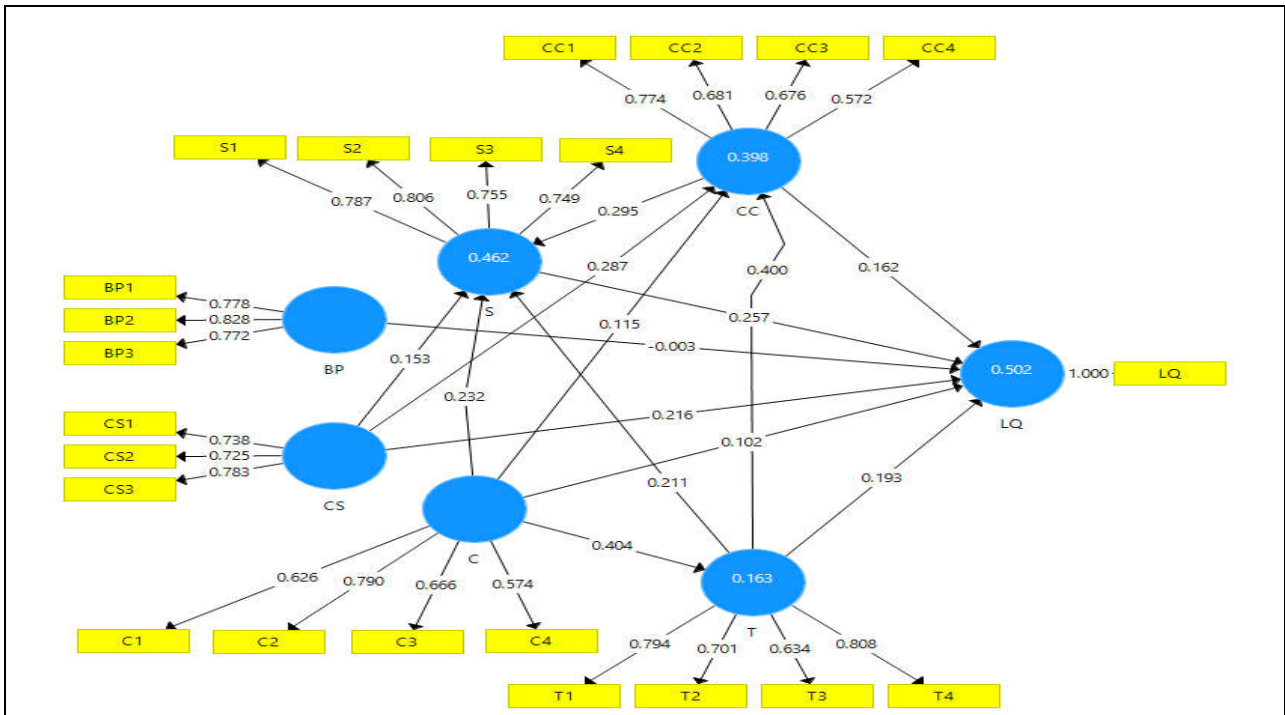
Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Ghi chú: Căn bậc hai của AVE nằm trên đường chéo chính

3.2.2. Kiểm định mô hình cấu trúc

Kết quả mô hình SEM được trình bày tại Hình 2 cho thấy mô hình có giá trị thống kê Chi-bình phương là 2,161 (p-value = 0,000 < 0,005) và giá trị SRMR = 0,074 < 0,1, do đó mô hình cấu trúc có chất lượng tốt và phù hợp với địa bàn nghiên cứu. Mặt khác, hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các biến đều nhỏ hơn 2 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến

giữa các biến độc lập trong mô hình. Mức độ giải thích của mô hình đến sự biến thiên của nhân tố sự tin tưởng là 16,3%, sự biến động của nhân tố hợp tác phối hợp là 39,8%, sự biến thiên của nhân tố hài lòng là 46,2% và 50,2% sự biến thiên của chất lượng liên kết giữa nông hộ với thương lái trong sản xuất rau tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.



Nguồn: Tính toán tổng hợp, 2019

Hình 2. Kết quả mô hình SEM

Kiểm định bootstrapping: Nhằm có thể suy rộng kết quả nghiên cứu ra tổng thể, mô hình cần được tiến hành kiểm định lại độ tin cậy. Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật bootstrapping với cỡ mẫu lặp lại là 1000 quan sát ($n = 1000$) với cỡ mẫu ban đầu là 222 quan sát. Kết quả ước lượng từ 1000 quan sát cho thấy trọng số gốc có ý nghĩa với trọng số trung bình của bootstrapping vì tất cả trọng số đều nằm trong khoảng tin cậy 95%. Như vậy, các ước lượng trong mô hình có thể kết luận là đáng tin cậy.

3.2.3. Kiểm định giả thiết

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 6 cho thấy, trong 13 giả thiết thì có 11 giả thiết đúng với dấu kỳ vọng ban đầu là H_{2a} , H_{2b} , H_{2c} , H_{3b} , H_{3c} , H_{4a} , H_{4b} , H_{4c} , H_{5a} , H_{5b} , H_6 . Kết quả cũng chỉ ra, tác động tổng của các nhân tố đến sự hài lòng của nông hộ trong mỗi liên kết này là sự chia sẻ thông tin ($0,238^{***}$), sự tin tưởng ($0,400^{***}$), sự hợp tác phối hợp ($0,295^{***}$) và sự cam kết ($0,399^{***}$). Mặt khác, chất lượng liên kết chịu ảnh hưởng tích cực từ nhân tố sự cam kết ($0,328^{***}$), sự hợp tác phối hợp ($0,238^{**}$), sự tin tưởng ($0,343^{***}$), sự chia sẻ thông tin ($0,323^{***}$) và sự hài lòng ($0,257^{***}$). Như vậy, chất lượng

hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ sẽ được cải thiện khi các tiêu chí sự cam kết, sự hợp tác phối hợp, sự tin tưởng, sự chia sẻ thông tin và sự hài lòng được quan tâm nhiều hơn. Ngoài ra, nhân tố sự cam kết cũng ảnh hưởng tích cực có ý nghĩa thống kê đến sự tin tưởng và sự hợp tác phối hợp; Sự chia sẻ thông tin cũng ảnh hưởng tích cực có ý nghĩa thống kê đến sự hợp tác phối hợp.

Mặt khác, kết quả từ mô hình SEM thì các nhân tố ảnh hưởng mạnh đến chất lượng liên kết lần lượt là sự tin tưởng, sự cam kết, sự chia sẻ thông tin, sự hài lòng và sự hợp tác phối hợp. Trong đó, nhân tố sự tin tưởng có ảnh hưởng mạnh nhất đến chất lượng liên kết, điều này cho thấy chữ tín rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh, là cơ sở để nông hộ và thương lái hợp tác liên kết lâu dài. Bên cạnh đó, hoạt động mua bán cũng đã thể hiện sự chuyên nghiệp và tôn trọng nhau. Tuy nhiên, nhân tố sự cân bằng quyền lực không ảnh hưởng đến chất lượng liên kết, đây là một dấu hiệu tốt cho thấy việc kinh doanh của nông hộ và thương lái đều dựa trên sự tự nguyện và bình đẳng về lợi ích.

Bảng 6. Kết quả mối quan hệ giữa các nhóm nhân tố và nhân tố

	Hệ số đường dẫn		Tác động gián tiếp		Tác động tổng	
	Original	P	Original	P	Original	P
	Sample (O)	Values	Sample (O)	Values	Sample (O)	Values
BP -> LQ_	-0,003	0,973			-0,003	0,973
C -> CC	0,115	0,200	0,162	0,003	0,276**	0,015
C -> LQ_	0,102	0,228	0,225	0,001	0,328***	0,001
C -> S	0,232	0,008	0,167	0,004	0,399***	0,000
C -> T	0,404	0,000			0,404***	0,000
CC -> LQ_	0,162	0,054	0,076	0,056	0,238**	0,011
CC -> S	0,295	0,003			0,295***	0,003
CS -> CC_	0,287	0,002			0,287***	0,002
CS -> LQ_	0,216	0,001	0,108	0,005	0,323***	0,000
CS -> S	0,153	0,065	0,085	0,036	0,238***	0,001
S -> LQ_	0,257	0,005			0,257***	0,005
T -> CC	0,400	0,000			0,400***	0,000
T -> LQ_	0,193	0,033	0,150	0,003	0,343***	0,000
T -> S	0,211	0,007	0,118	0,013	0,329***	0,000

Nguồn: Tổng hợp từ kết suất SmarPLS

Ghi chú: *** Có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; ** Có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; * Có ý nghĩa thống kê ở mức 10%.

3.3. Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ trồng rau

Từ nhận định và thảo luận kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý để nâng cao chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ.

Xây dựng sự tin tưởng, kết quả nghiên cứu chỉ ra sự tin tưởng tác động lớn nhất đến chất lượng liên kết. Do vậy, để duy trì sự tin tưởng thì thương lái nên lấy chữ tín làm đầu, tránh hành vi ứng xử theo tín hiệu của thị trường để dẫn đến tình trạng tự ý tăng giá để giành giật nguồn cung hoặc từ bỏ khi giá thấp, đồng thời phải thực hiện theo nguyên tắc bốn đúng trong mua bán hàng hoá nông sản đó là chất lượng, số lượng, thời điểm và giá cả. Bên cạnh đó, nông hộ cũng cần giữ chữ tín và tuân thủ những giao kèo với thương lái, không tự ý phá vỡ khi giá cả biến động.

Xây dựng sự cam kết và chia sẻ thông tin: Thương lái cũng cần nâng cao khả năng đánh giá tiềm năng thị trường cũng như tăng cường mở rộng các kênh thị trường trên cơ sở đó cung cấp, chia sẻ thông tin để tạo niềm tin và tạo được tiếng nói chung trong lợi ích hợp tác. Mặt khác, nông hộ cũng phải thay đổi tập quán sản xuất truyền thống và cần năng động liên kết lại với nhau để thành lập các tổ hợp tác để tăng khả năng cạnh tranh và thuận tiện khi bán sản phẩm

cho thương lái.

4. KẾT LUẬN

Trong một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ lẻ, manh mún để nông sản đến được thị trường thì đội ngũ thương lái là chiếc cầu nối không thể thiếu. Khi tham gia liên kết trong sản xuất rau, nông hộ sẽ dễ tiếp cận với thị trường, với tiến bộ kỹ thuật qua việc thông tin từ thương lái. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) cho thấy sự phù hợp của mô hình lý thuyết với hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ tại địa phương. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sự biến thiên của chất lượng hoạt động liên kết được giải thích bởi các nhân tố sự tin tưởng, sự cam kết, sự chia sẻ thông tin, sự hài lòng và sự hợp tác phối hợp là 50,2% và khi sự tin tưởng, sự cam kết, sự chia sẻ thông tin, sự hài lòng, sự hợp tác phối hợp tăng lên 1 điểm thì chất lượng hoạt động liên kết giữa thương lái và nông hộ lần lượt tăng lên 0,343; 0,328; 0,323; 0,257; 0,238 điểm. Mặt khác, sự hài lòng của nông hộ trong mối liên kết này chịu ảnh hưởng của nhân tố sự chia sẻ thông tin, sự tin tưởng và sự hợp tác phối hợp.

Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ mới phân tích chất lượng mối liên kết giữa nông hộ và thương lái trong chuỗi giá trị rau tại huyện Đơn Dương mà chưa phân tích được các đối tượng khác trong chuỗi như doanh nghiệp, hợp tác xã hay tổ hợp tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bratap S. BIRTHAL. (2007). *Making Contract Farming Work in Smallholder Agriculture: Issues and Approaches*. Keynote paper presented at the 67th annual conference of the India Society of Agricultural Economics at Banker Institute of Rural Development.

2. Dang, L.H., Li, E., Bruwer. (2012). Understanding climate change adaptive behaviour of farmers: An integrated conceptual framework. *The International Journal of Climate Change: Impacts & Responses*, 3(2), 255-272.

3. Dwyer, F. R., Schurr, P.H. & Oh, S. (1987). Developing Buyer-seller relationship. *Journal of Marketing*, 51, 11-27.

4. Eaton, C. & Shepherd, A.W. (2001). *Contract Farming – Partnerships for Growth*. FAO Agricultural Services Bulletin, No. 145.

5. Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C., & Sarstedt, M. (2014). *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)*. California: Sage Publications.

6. Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C., & Sarstedt, M. (2016). *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)*. California: Sage Publications.

7. Holmlund, M. (2008). A definition, model, and empirical analysis of business-to-business relationship quality. *International Journal of Service Industry Management*, 19, 32-62.

8. Hồ Thanh Thủy (2017). Vai trò của liên kết trong sản xuất nông nghiệp. *Tạp chí Giáo dục và Lý luận*, 269, 34-40.

9. Lages, C.; Lages, C.R. & Lages, L.F. (2005). The RELQUAL scale: a measure of relationship quality in export market ventures. *Journal of Business Research*, 58, 1040–1048.

10. Lê Như Bích (2015). Kết nối nông dân sản xuất nhỏ với thị trường thông qua quản lý hiệu quả chuỗi cung

cấp. *Tạp chí Khoa học, Đại học Đà Lạt*, 5, 20-34.

11. Nguyễn Anh Tuấn (2016). *Quản trị chuỗi giá trị trong nông nghiệp: nghiên cứu cho trường hợp sản xuất heo ở huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.

12. Nguyễn Văn Nền (2015). Phân tích mối liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị dưa tại Bến Tre. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 26, 84-89.

13. Trần Quang Trung, Lê Thị Minh Châu, Đỗ Quang Giám, Bùi Bằng Đoàn, Bùi Thị Mai Linh, Nguyễn Quốc Oánh, Lê Thị Thanh Hào, Trần Nguyễn Thị Yên và Phạm Kim Đăng (2016). *Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết trong sản xuất trong sử dụng ngô làm thức ăn chăn nuôi*. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.

14. Trần Thị Lam Phương, Sử Thị Oanh Hoa và Phạm Ngọc Thủy (2015). Tiền tố và hậu tố của chất lượng mối quan hệ giữa người trồng hoa công nghệ cao với nhà phân phối tại Đà Lạt. *Tạp chí Khoa học, Đại học Mở Tp. HCM*, 3, 91-99.

15. Võ Văn Thanh, Lê Ngọc Quỳnh Lam, Nguyễn Thị Kim Phò (2015). Thực trạng chuỗi cung ứng lúa gạo Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Phát triển KH & CN*, 2:18, 121-136.

16. Samli, A. Coskun & Adel I. El-ansary (2007). The Role of Wholesalers in Developing Countries. *Int. Rev. of Retail, Distribution and Consumer Research*, 17(4), 353 – 358.

17. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng (2019). Hỗ trợ nông dân sản xuất theo liên kết.

18. Raykov, T., & Widaman, K. F. (1995). Issues in applied structural equation modeling research. *Structural Equation Modeling. A Multidisciplinary Journal*, 2:4, 289-318.

19. Vorley, Bill, Mark Lundy and James Mac Gregor. (2008). *Business Models for Small Farmers and SMEs*, GAIF. [http:// www.gaif08.org](http://www.gaif08.org).

EVALUATING OF LINKAGE QUALITY BETWEEN WHOLESALERS AND FARMER’S VEGETABLES IN DON DUONG DISTRICT, LAM DONG PROVINCE

Tran Hoai Nam¹, Le Vu¹, Do Minh Hoang¹

¹*Nong Lam University of Ho Chi Minh City*

SUMMARY

In the small and fragmented production agriculture, the linkage between producer and wholesaler plays a vital part in consuming agricultural products to offer these products to the market. When participating in the linkage with the wholesaler in producing vegetables, the householder will easily get with the market through the information of wholesalers. The research used the partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) with SmartPLS software of a sample of 222 farmers to evaluating of linkage quality between wholesalers and farmer’s vegetables in Don Duong district, Lam Dong province. Results showed that the influence of factors on the linking quality is 50.2 percent; and this compliance has depended on many factors such as the commitment (0.328***), collaborative – coordination (0.238***), trust (0.343***), communication sharing (0.323***), and satisfaction (0.257***). Additionally, the satisfaction was explained by communication sharing, commitment, collaborative – coordination, and trust were 46.2 percent.

Keywords: Farmer’s vegetables, linking, SEM model, wholesalers.

Ngày nhận bài : 20/5/2020
Ngày phản biện : 29/7/2020
Ngày quyết định đăng : 05/8/2020